

Bản án số: 06/2017/HC-PT

Ngày: 23/6/2017

*V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
về việc phê duyệt chi phí đền bù
khi thu hồi đất”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng

Ông Lê Viết Phong

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:
Ông Trịnh Duy Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:15/2016/TLPT-HC ngày 28 tháng 11 năm 2016 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính về việc phê duyệt chi phí đền bù khi thu hồi đất*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2016/HC-ST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân thị xã P bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2017/QĐPT-HC ngày 02 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, phường Q, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

(Văn bản ủy quyền ngày 11/08/2014)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Đường R, phường N, thị xã P, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vương Đức L, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Giang Xuân S, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P. (Có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 28/9/2016)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phan Thành C, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã P; (có mặt)

- Ông Phạm Ngọc H, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã P; (có mặt)

- Ông Lê Ngọc T, chức vụ: Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã P; (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Chủ tịch UBND phường N; (có mặt)

- Ông Diệp Trường G, chức vụ: Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND thị xã P. (có mặt)

3. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Hồ Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện ông Hồ Văn T và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Văn D trình bày:

Gia đình ông Hồ Văn T có thửa đất nằm trong khu quy hoạch Trung tâm lưu trữ Tỉnh ủy Bình Phước. Ngày 30/09/2010 UBND thị xã P ban hành Quyết định số 6546/QĐ-UBND về việc phê duyệt chi phí đền bù dự án nâng cấp Trung tâm Lưu trữ tỉnh thuộc phường N, thị xã P (viết tắt là Quyết định số 6546/QĐ-UBND) trong đó có hộ ông T, nhưng áp giá đền bù cho ông T không thỏa đáng, cụ thể: Ngày 23/11/2010, UBND thị xã P ban hành Thông báo số 51/TB-BCT về việc chi trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (Lần 1) cho ông T với tổng cộng số tiền 277.626.500 đồng (Chưa khấu trừ nghĩa vụ thuế về đất đai). Trong đó chỉ hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu dân cư theo 2 mức giá cụ thể:

-Đất nông nghiệp ở vị trí 1 là $187,9m^2 \times 2.000.000 \text{ đồng}/m^2 \times 50\% = 187.900.000 \text{ đồng}$ (Một trăm tám mươi bảy triệu chín trăm ngàn đồng).

-Đất nông nghiệp ở vị trí 2 là $173,4m^2 \times 800.000 \text{ đồng}/m^2 \times 50\% = 69.360.000 \text{ đồng}$ (Sáu mươi chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

Nhưng cùng thời điểm trên UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 1581/QĐ-UBND và Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 08/7/2010 về việc bán đấu giá quyền sử dụng đất thuộc khu dân cư khu phố Q, khu dân cư Trung tâm hành chính phường N và các lô đất cụm N37 khu phố Q, phường N, thị xã P, tỉnh Bình Phước (nằm đối diện thửa đất của ông T trên cùng trục lộ đường Trần Hưng Đạo) với giá 5.500.000 đồng/ m^2 (đối với lô 02 mặt tiền) và 4.500.000 đồng/ m^2 (đối với lô 01 mặt tiền). Sau đó, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành quyết định số 2662/QĐ-UBND điều chỉnh lại giá đất tại các quyết định 1581/QĐ-UBND và 1582/QĐ-UBND ngày 08/7/2010 nói trên, theo đó, giá đất khởi điểm là 5.000.000 đồng/ m^2 (đối với lô đất 02 mặt tiền, giảm 500.000 đồng/ m^2) và 4.000.000 đồng/ m^2 (đối với lô đất 01 mặt tiền, giảm 500.000 đồng/ m^2). Như vậy, đối với các lô đất có cùng vị trí, cùng trục đường Trần Hưng Đạo như của ông T lại được định giá

5.000.000 đồng/m² (Lô số 1 có hai mặt tiền) và 4.000.000 đồng/m² (Lô số 2 có một mặt tiền) trong khi UBND thị xã P lại đền bù cho ông T với giá quá thấp.

Ngoài ra, ông T còn cho rằng căn cứ pháp luật để ban hành Quyết định số 6546/QĐ-UBND thì UBND thị xã P căn cứ vào Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2009 là không đúng mà phải căn cứ vào Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2010.

Vì vậy, ông Hồ Văn T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tuyên hủy một phần Quyết định số 6546/QĐ-UBND về phê duyệt chi phí đền bù dự án nâng cấp Trung tâm Lưu trữ tỉnh thuộc phường N, thị xã P về phần hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư cho ông T vì lý do UBND thị xã P đã áp giá quá thấp so với đơn giá đất ở tương ứng với khu vực đất bị giải tỏa tại thời điểm đất của ông T bị thu hồi.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Giang Xuân S trình bày:

Dự án xây dựng Trung tâm Lưu trữ Tỉnh ủy Bình Phước thuộc địa bàn phường N, thị xã P, tỉnh Bình Phước, đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án theo Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 29/12/2009, kèm theo quyết định là phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Trên cơ sở Quyết định số 3728/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước, ngày 30/9/2010, UBND thị xã P ban hành Quyết định số 6546/QĐ-UBND về việc phê duyệt chi phí đền bù của dự án đối với tổng số 08 hộ dân được đền bù, trong đó có hộ ông Hồ Văn T.

Tại dự án này, đường Trần Hưng Đạo là căn cứ xác định vị trí đất để áp giá đền bù cho các hộ dân. Trong 361,3m² đất của hộ ông T bị thu hồi thì có 187,9m² thuộc vị trí 1 và 173,4m² thuộc vị trí 2 của đường Trần Hưng Đạo. Theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của UBND tỉnh về ban hành giá đất trên địa bàn tỉnh năm 2010 thì đường Trần Hưng Đạo thuộc đường phố loại 2 có đơn giá đất thổ cư là 2.000.000 đồng/m² đối với vị trí 1, 800.000 đồng/m² đối với vị trí 2. Thửa đất của hộ ông T không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó Ban chuyên trách bồi thường giải phóng mặt bằng thị xã P (nay là Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã P) đã áp dụng đất đền bù nông nghiệp và hỗ trợ 50% đơn giá đất ở theo các vị trí nêu trên là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Ông T căn cứ giá đất theo Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 08/7/2010 và Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 08/7/2010 của UBND tỉnh để so sánh với

giá đất đền bù tại Quyết định số 6546/QĐ-UBND là không có cơ sở, vì: Quyết định số 1581/QĐ-UBND và Quyết định số 1582/QĐ-UBND là quy định giá khởi điểm để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất cụm N37 đã được nhà nước quy hoạch, phân lô; còn Quyết định số 6546/QĐ-UBND là phê duyệt chi phí đền bù dự án Trung tâm Lưu trữ Tỉnh ủy, đơn giá đất được đền bù trong dự án này theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của UBND về ban hành giá đất trên địa bàn tỉnh năm 2010.

Từ những căn cứ trên, UBND thị xã không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Hồ Văn T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2016/HC-ST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân thị xã P tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Hồ Văn T về việc khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã P hủy một phần Quyết định số 6546/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt chi phí đền bù dự án nâng cấp Trung tâm Lưu trữ tỉnh thuộc phường N, thị xã P về phần hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 12/10/2016, Tòa án nhân dân thị xã P nhận được đơn kháng cáo đề ngày 10/10/2016 của ông Hồ Văn T đối với toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân thị xã P đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền người khởi kiện ông Trần Văn Dũng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã P,

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, xét kháng cáo của người khởi kiện, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Hồ Văn T đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 6546/QĐ-UBND ngày 30/09/2010 của UBND thị xã P về việc phê duyệt chi phí đền bù dự án nâng cấp Trung tâm Lưu trữ tỉnh thuộc phường N, thị xã P về phần hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư hộ ông T, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. *Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 6546/QĐ-UBND*: Căn cứ khoản 2 Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/08/2009 của Chính Phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Viết tắt là Nghị định số 69/2009/QĐ-CP), khoản 2 Điều 41 Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh Bình Phước quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh bình phước (Viết tắt là Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND) thì UBND cấp huyện có thẩm quyền phê duyệt chi phí đền bù dự án. Như vậy, UBND thị xã P ban hành Quyết định số 6546/QĐ-UBND về việc phê duyệt chi phí đền bù dự án nâng cấp Trung tâm Lưu trữ tỉnh thuộc phường N, thị xã P là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. *Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 6546/QĐ-UBND*:

Dự án Trung tâm lưu trữ tỉnh Bình Phước được phê duyệt tại Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 03/07/1997 về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thị xã P, tỉnh Bình Phước. Sau đó, dự án được điều chỉnh tại Quyết định tại Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu dân cư phía bắc trung tâm tỉnh lỵ và Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 08/01/2009 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu dân cư phía bắc trung tâm tỉnh lỵ. Ngày 29/12/2009 UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 3728/QĐ-UBND về phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Trung tâm lưu trữ Tỉnh ủy Bình Phước thuộc địa bàn phường N, thị xã P. Ngày 29/12/2009, UBND thị xã P ban hành Quyết định 6546/QĐ-UBND về việc phê duyệt chi phí đền bù, hỗ trợ dự án Trung tâm Lưu trữ Tỉnh ủy thuộc phường N, thị xã P cho 08 hộ dân thuộc dự án, trong đó có hộ ông T. Đến ngày 28/10/2010, UBND thị xã ban hành Quyết định số 7363/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông T.

Như vậy, việc UBND thị xã ban hành Quyết định 6546/QĐ-UBND về việc phê duyệt chi phí đền bù dự án khi chưa ban hành quyết định thu hồi đất đối với các hộ dân có đất bị thu hồi (trong đó có ông T) là không đúng về trình tự và thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ, khoản 2 Điều 41 Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước.

3. *Xét nội dung của Quyết định số 6546/QĐ-UBND*:

Xét nội dung người khởi kiện cho rằng UBND thị xã P căn cứ vào Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh Bình Phước để ban hành Quyết định số 6546/QĐ-UBND là không đúng mà phải căn cứ vào Quyết định số Quyết định 60/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của UBND tỉnh Bình Phước, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm ban hành Quyết định số 6546/QĐ-UBND thì Quyết định số 80/2009/QĐ-UBND đã bị thay thế bởi Quyết định 60/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của UBND tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, xét thấy đơn giá đất đền bù đối với trường hợp của ông T theo quy định tại Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND là không thay đổi so với đơn giá đất theo Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND (Quyết định số 60/QĐ-UBND và Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND đều quy định đường Trần Hưng Đạo thuộc đường phố loại 2 và có đơn giá

đất thổ cư là 2.000.000 đồng/m² đối với vị trí 1, 800.000 đồng/m² đối với vị trí 2) nên không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Xét nội dung người khởi kiện cho rằng UBND thị xã bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư khi thu hồi đất cho ông T theo Quyết định số 6546/QĐ-UBND là 1.000.000 đồng/m² đất vị trí 1 và 400.000 đồng/m² đất vị trí 2 là quá thấp, đáng lẽ phải là 2.500.000 đồng/m² đất ở vị trí 1 và 2.000.000 đồng/m² vị trí 2 mới thỏa đáng, Hội đồng xét xử xét thấy: Khoản 2 Điều 32 Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh Bình Phước quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ 50% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi theo quy định trong Bảng giá đất của địa phương; diện tích được hỗ trợ không quá 05 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương*”. Như vậy, đất của ông T có diện tích là 361,3 m², 100% đất nông nghiệp, nằm xen kẽ trong khu dân cư nên thuộc trường hợp được hỗ trợ đối với đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư là đúng theo quy định tại pháp luật. Cụ thể ông T được hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư bao gồm 187,9 m² vị trí 1, đường phố loại 2, đơn giá 1.000.000 đồng/m², là 187.900.000 đồng và 173,4 m² vị trí 2, đường phố loại 2, đơn giá 400.000 đồng/m², là 69.360.000 đồng là đúng theo quy định tại bảng đơn giá đất ở tại đô thị ở thị xã P kèm theo Quyết định 60/2009/QĐ-UBND và khoản 2 Điều 32 Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND. Còn các lô đất số 01 và số 02 cụm 52-B cùng vị trí đất với ông T có giá khởi điểm bán đấu giá theo Quyết định số 1581/QĐ-UBND, Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 08/7/2010 của UBND tỉnh Bình Phước là 5.000.000 đồng/m² đối với đất vị trí 1, 4.000.000 đồng/m² đối với đất vị trí 2, là đất ở đô thị thuộc quản lý của Nhà nước, đã được quy hoạch làm khu dân cư và được bán theo thủ tục bán đấu giá chứ không phải theo thủ tục Nhà nước thu hồi, đền bù, hỗ trợ. Do đó việc UBND thị xã căn cứ vào đơn giá đất do UBND tỉnh Bình Phước ban hành hàng năm để áp giá đền bù, hỗ trợ cho ông T là có căn cứ.

4. Như vậy, mặc dù về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 6546/QĐ-UBND được nêu ở mục [2] và căn cứ để tính đơn giá bồi thường của Quyết định số 6546/QĐ-UBND được nêu tại mục [3] nêu trên là vi phạm nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Hồ Văn T nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số 6546/QĐ-UBND ngày 30/09/2010 của UBND thị xã P về việc phê duyệt chi phí đền bù dự án nâng cấp Trung tâm Lưu trữ tỉnh thuộc phường N, thị xã P về phần hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư hộ ông T là có cơ sở, đúng pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn T là không có căn cứ chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hồ Văn T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Hồ Văn T.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2016/HC-ST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân thị xã P.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T đối với yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 6546/QĐ-UBND ngày 30/09/2010 của UBND thị xã P về việc phê duyệt chi phí đền bù dự án nâng cấp Trung tâm Lưu trữ tỉnh thuộc phường N, thị xã P về phần hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư đối với hộ ông Hồ Văn T.

Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Hồ Văn T phải chịu 200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm do ông Hồ Quang T nộp thay, theo Biên lai thu tiền số 0000326, quyển số 000007, ngày 13/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hồ Văn T phải chịu 200.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Trần Văn D nộp thay theo Biên lai thu tiền số 00001473, quyển số 000030, ngày 25/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- UBND tỉnh Bình Phước;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Khương

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Các Thẩm phán

**Thẩm phán -
Chủ tọa phiên tòa**

Lê Viết Phong Nguyễn Văn Khương

Nguyễn Viết Hùng